

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-12-2025

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kiên và bà Hà Thúy Liêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Nhật Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Trung T (Dương Chung T), sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn K, xã T, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020083001***, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/4/2021; vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Triệu Thị P, sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn K, xã T, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020180001***, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/10/2025 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Dương Chung T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, ông Dương Trung T (Dương Chung T) và bà Triệu Thị P không được tự do tìm hiểu nhau mà do gia đình hai bên mai mối, tự nguyện lấy nhau và được gia đình tổ chức hôn lễ vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Vợ chồng chung hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần, không hàn gắn được. Hai vợ chồng

ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay, tuy vẫn ở chung nhà nhưng không còn quan tâm, yêu thương gì nhau nữa. Nay, ông Dương Trung T (Dương Chung T) xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Dương Trung T (Dương Chung T) được ly hôn với bà Triệu Thị P.

Về con chung: Ông Dương Trung T (Dương Chung T) và bà Triệu Thị P có 03 (ba) con chung là cháu Dương Thị L, sinh ngày 22/7/2000, cháu Dương Thị T1, sinh ngày 30/4/2002 và cháu Dương Kim M, sinh ngày 27/4/2004. Nay, cả ba con chung đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi), đều có khả năng lao động nên ông Dương Trung T (Dương Chung T) không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 14/11/2025 bị đơn bà Triệu Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn vợ chồng không được tự do tìm hiểu nhau mà lấy nhau do gia đình mai mối và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 đến nay, không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, tình cảm lạnh nhạt dần. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay, ông Dương Chung T làm đơn yêu cầu ly hôn thì bà Triệu Thị P đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Dương Trung T (Dương Chung T) và bà Triệu Thị P có 03 (ba) con chung là cháu Dương Thị L, sinh ngày 22/7/2000, cháu Dương Thị T1, sinh ngày 30/4/2002 và cháu Dương Kim M, sinh ngày 27/4/2004. Nay, cả ba con chung đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có khả năng lao động nên bà Triệu Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Công văn số: 753/UBND-Vp ngày 20/11/2025, Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Qua kiểm tra thông tin kết hôn trên dữ liệu điện tử và sổ gốc kết hôn từ năm 1999 đến nay thì ông Dương Trung T và bà Triệu Thị P không có thông tin kết hôn trong sổ lưu của UBND xã Thái Bình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Trung T (Dương Chung T) và bị đơn bà Triệu Thị P vắng mặt nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Dương Trung T (Dương Chung T) và bà Triệu Thị P tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đều thừa nhận không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, đây là hôn nhân không hợp pháp, không có giá trị pháp lý. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Trung T (Dương Chung T) và bà Triệu Thị P. Về con chung: Ông Dương Trung T và bà Triệu Thị P có 03 con chung là Dương Thị L, sinh ngày 22/7/2000; Dương Thị T1, sinh ngày 30/4/2002; Dương Kim M, sinh ngày 27/4/2024. Các con đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị xem xét về con chung. Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết. Về án phí: Ông Dương Trung T (Dương Chung T) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên ông Dương Trung T là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí do vậy được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Dương Trung T (Dương Chung T), bị đơn bà Triệu Thị P vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện đã có lời khai, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn". Bị đơn bà Triệu Thị P cư trú tại Thôn K, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Trung T (Dương Chung T) và bà Triệu Thị P đều trình bày năm 1999 ông bà được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống từ năm 1999 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Công văn số: 753/UBND-Vp ngày 20/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Qua kiểm tra thông tin kết hôn trên dữ liệu điện tử và sổ gốc kết hôn từ năm 1999 đến nay thì ông Dương Trung T và bà Triệu Thị P không có thông tin kết hôn trong sổ lưu của UBND xã Thái Bình. Do vậy, quan hệ giữa ông Dương Trung T và bà Triệu Thị P không được công nhận là vợ chồng và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều

14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Trung T và bà Triệu Thị P.

[4] Về con chung: Ông Dương Trung T (Dương Chung T) và bà Triệu Thị P có 03 (ba) con chung là Dương Thị L, sinh ngày 22/7/2000; Dương Thị T1, sinh ngày 30/4/2002; Dương Kim M, sinh ngày 27/4/2024. Ông Dương Trung T và bà Triệu Thị P không yêu cầu giải quyết về con chung vì các con đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và có khả năng lao động. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Dương Trung T (Dương Chung T) và bà Triệu Thị P trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Dương Trung T (Dương Chung T) được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Trung T (Dương Chung T) và bà Triệu Thị P.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Dương Trung T (Dương Chung T) được miễn toàn bộ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 – Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5 – Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang